TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẨM PHẢ **TỈNH QUẢNG NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 15-02-2023
"V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẨM PHẢ - TỈNH QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Trần Thu Đông
Các Hội thẩm nhân dân: bà Nguyễn Thị Hiền và bà Lê Thị Thanh Thủy
- ***Thư ký phiên tòa*:** bà Lê Thị Kim Phượng - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh.
***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cẩm Phả tham gia phiên tòa*:** bà Phạm Thu Huyền - Kiểm sát viên.

Trong ngày 15 tháng 02 năm 2023, tại hội trường xét xử Tòa án nhân dân thành phố Cẩm Phả xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 104/2022/TLST - HNGĐ ngày 20 tháng 10 năm 2022 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 52/2022/QĐXXST - HNGĐ ngày 30 tháng 12 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2023/QĐST - HNGĐ ngày 19 tháng 01 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị Nguyễn Thị Lê M, sinh năm xxx; nơi cư trú: tổ H, khu S, phường C, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh, vắng mặt tại phiên tòa (có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: anh Ngô Ngọc L, sinh năm xxxx; nơi cư trú: tổ B, khu N, phường Q, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh, vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Lê M đều trình bày: chị và anh Ngô Ngọc L kết hôn vào năm 2003 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn hợp pháp tại Ủy ban nhân dân phường Q, thành phố C, trước khi kết hôn có thời gian tìm hiểu nhau 03 năm. Sau khi kết hôn anh chị về sống tại gia đình nhà chồng ở tổ B, khu N, phường Q, thành phố C đến năm 2005 vợ chồng chuyển về chung sống với gia đình nhà vợ tại H, khu S, phường C, thành phố C. Cuộc sống chung sau kết hôn bình thường cho đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do kinh tế vợ chồng khó khăn, anh L không cùng chị lo lắng, gánh vác cuộc sống gia đình, chăm sóc cho các con chung mà còn ham chơi khiến vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, không khí gia đình căng thẳng, mệt mỏi. Chị M còn phát hiện anh L có quan hệ tình cảm với người khác, khi biết chuyện mặc dù chị đã có ý định ly hôn nhưng vì thương hai con còn nhỏ, chị đã khuyên bảo anh L thay đổi nhưng không được. Vì vậy, vợ chồng không còn tin tưởng vào nhau, cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc nên anh chị đã

quyết định ly thân từ năm 2015 đến nay. Thời gian ly thân, anh L chuyển về nhà bố mẹ tại H, khu S, phường C, thành phố C sinh sống và vẫn tiếp tục có mối quan hệ với người phụ nữ khác nên anh chị không quan tâm đến cuộc sống của nhau, không nói chuyện đoàn tụ gia đình. Mâu thuẫn của vợ chồng đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng không có kết quả. Đến nay chị xác định không còn tình cảm dành cho anh L, mâu thuẫn vợ chồng chị đã rất trầm trọng, không thể khắc phục nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn để ổn định cuộc sống, yên tâm nuôi dạy con chung.

Về con chung: chị và anh Ngô Ngọc L có 02 con chung là Ngô Băng N, sinh ngày xx/x/xxxx (đã trưởng thành, không có nhược điểm về thể chất, tâm thần) và Ngô Bảo M, sinh ngày xx/x/xxx, từ khi anh chị sống ly thân các con chung ở cùng với chị; anh L công việc và thu nhập không ổn định, không cùng chị lo kinh tế gia đình, con chung Ngô Bảo M có nguyện vọng được chị nuôi dưỡng, để đảm bảo sự phát triển ổn định của con chung khi ly hôn chị đề nghị Tòa án giao cho chị được trực tiếp nuôi dưỡng con chung cho đến tuổi thành niên, chị không yêu cầu anh L cấp dưỡng cho con, hiện nay chị làm công việc kinh doanh tự do thu nhập của chị là 10 triệu đồng/tháng, chị có chỗ ở ổn định nên đảm bảo được các điều kiện nuôi dưỡng con chung. Anh L được quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

Về tài sản và vay nợ chung: chị và anh L không có tài sản chung và không vay nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn - anh Ngô Ngọc L Nều lần nhưng anh L cố tình vắng mặt do vậy Tòa án không lấy được lời khai của anh L, anh L không có quan điểm gì về quan hệ hôn nhân, về con chung cũng như tài sản và công nợ chung và không tiến hành hòa giải được vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh tham gia tố tụng tại phiên tòa nêu quan điểm về việc tiến hành tố tụng và nội dung giải quyết vụ án dân sự, khẳng định: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; xác M thu thập tài liệu, chứng cứ; việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải đúng quy định tại các điều 97, 208, 209, 210, 211 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định; nhưng bị đơn không chấp hành quy định, không đến Tòa án để tham gia tố tụng. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị Lê M; về quan hệ hôn nhân: chị M được ly hôn với anh L; về con chung: chị M được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Ngô Bảo M, anh L không phải cấp dưỡng cho con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: chị Nguyễn Thị Lê M yêu cầu xin ly hôn với anh Ngô Ngọc L hiện cư trú tại H, khu S, phường C, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh nên Tòa án nhân dân thành phố Cẩm Phả thụ lý giải quyết với quan hệ pháp luật "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" là đúng quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn - anh Ngô Ngọc L được Tòa án triệu tập hợp lệ Nều lần nhưng đều vắng mặt không có lý do. Sau khi ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử Tòa án nhân dân thành phố Cẩm Phả đã tống đạt hợp lệ cho các đương sự; nguyên đơn chị Nguyễn Thị Lê M vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn anh Ngô Ngọc L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa, nên căn cứ vào khoản 2 Điều 227; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: căn cứ vào giấy chứng nhận kết hôn số 39/2003, ngày 23 tháng 4 năm 2003 của Ủy ban nhân dân phường Q, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh thể hiện hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Lê M và anh Ngô Ngọc L là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Sau kết hôn anh chị về sống cùng gia đình nhà chồng ở tổ 3, khu 5, phường Quang Hanh, thành phố Cẩm Phả đến năm 2005 vợ chồng chuyển về chung sống với gia đình nhà vợ tại tổ H, khu S, phường C, thành phố Cẩm Phả. Cuộc sống chung của anh chị từ sau khi kết hôn bình thường cho đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân xuất phát từ việc anh chị không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống; anh L còn ham chơi, không quan tâm chăm sóc cho gia đình và các con, đồng thời lại có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác. Chị M có khuyên bảo nhưng anh L không thay đổi nên anh chị thường xuyên cãi vã, xúc phạm lẫn nhau; anh chị đã quyết định sống ly thân từ năm 2015 đến nay, không ai quan tâm đến cuộc sống của ai, không tìm cách hàn gắn hạnh phúc gia đình. Chị thấy tình cảm không còn, cuộc sống chung của hai vợ chồng không có, mâu thuẫn đã quá trầm trọng, không thể hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị xin được ly hôn với anh L.

Theo xác M tại địa phương thể hiện: chị M và anh L là vợ chồng hợp pháp. Nguyên nhân mâu thuẫn của chị M và anh L là do không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống; anh L ham chơi, không quan tâm đến gia đình, không cùng chị M chăm lo cho các con. Do mâu thuẫn vợ chồng không thể giải quyết được nên chị M và anh L đã sống ly thân, không ở cùng nhau và không quay lại với nhau nữa.

Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Tòa án đã triệu tập hợp lệ Nều lần nhưng anh L vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng giữa chị M và anh L.

Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng của chị M và anh L là trầm trọng, hai người sống ly thân từ năm 2015, cả hai đã không còn sự yêu thương và quan tâm dành cho nhau, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Bản thân anh L khi được triệu tập hợp lệ đến Tòa án để giải quyết vụ án không đến để tham gia tố tụng, thể hiện anh L không thiện chí hoặc trách Nệm trong việc giải quyết mâu thuẫn, không có biện pháp tích cực để vợ chồng về đoàn tụ nên chị M xin ly hôn là hoàn toàn có căn cứ. Lời khai về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn của chị M cũng phù hợp với lời khai của các con chung của anh chị, phù hợp với kết quả thu thập chứng cứ về tình trạng hôn nhân của anh chị tại nơi cư trú. Nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Lê M về việc xin ly hôn với anh Ngô Ngọc L là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về con chung: chị Nguyễn Thị Lê M và anh Ngô Ngọc L có 02 con chung là Ngô Băng N, sinh ngày xx/x/xxxx (đã trưởng thành, không có nhược điểm về thể chất, tâm thần) nên không đề cập giải quyết và Ngô Bảo M, sinh ngày xx/x/xxxx,

con chung Bảo M của anh chị có nguyện vọng được chị M nuôi dưỡng khi bố mẹ ly hôn, chị M cũng đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Bảo M và không yêu cầu anh L cấp dưỡng cho con chung. Đại diện khu phố nơi anh chị cư trú cho biết: hiện tại hai con đang ở cùng chị M được chị M chăm sóc, nuôi dưỡng đảm bảo phát triển tốt và đề nghị Tòa án tôn trọng nguyện vọng của con chung. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, anh L không đến Tòa án để tham gia tố tụng nên không có quan điểm về việc nuôi dưỡng con chung khi vợ chồng ly hôn. Xét thấy, chị M có thu nhập ổn định, hiện đang nuôi dưỡng, chăm sóc con chung phát triển tốt, nên yêu cầu nuôi dưỡng con chung của chị M là chính đáng. Nguyện vọng được nuôi con chung của chị M cũng phù hợp với nguyện vọng của con chung và phù hợp với kết quả xác M tại địa phương nơi cư trú. Do đó, việc giao con chung cho chị M trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp. Căn cứ vào các điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình thấy có cơ sở chấp nhận yêu cầu của chị M, giao con chung Ngô Bảo M cho chị M trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi), để đảm bảo lợi ích toàn diện của con chung. Do chị M không yêu cầu anh L cấp dưỡng cho con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung và vay nợ chung: chị Nguyễn Thị Lê M và anh Ngô Ngọc L không có tài sản chung và không vay nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Tòa án không đề cập giải quyết.

[3] Về án phí: chị Nguyễn Thị Lê M phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Lê M và anh Ngô Ngọc L.

2. Về con chung: giao con chung Ngô Bảo M, sinh ngày 17/6/2014 cho chị Nguyễn Thị Lê M trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi). Anh Ngô Ngọc L không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Về tài sản chung và vay nợ chung: chị Nguyễn Thị Lê M và anh Ngô Ngọc L không có tài sản chung và không vay nợ chung, nên Tòa án không đề cập giải quyết.

4. Về án phí: chị Nguyễn Thị Lê M phải nộp 300.000 đồng *(ba trăm nghìn đồng)* án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị M đã nộp theo biên lai số: 000xxxx ngày xx/x/xxxx tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố C.

Án xử công khai sơ thẩm, vắng mặt nguyên đơn và bị đơn. Báo cho nguyên đơn và bị đơn biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án tại nơi cư trú.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND thành phố C;
- Chi cục THADS thành phố C;
- UBND phường Q;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA - VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Trần Thu Đông